TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Phan
Ông Lương Văn Công
Thư ký phiên toà: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Xóm R, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Trương Minh Đ**, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày: Chị và anh Trương Minh Đ kết hôn vào ngày 16/02/2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, anh chị

sống chung không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống hai bên không phù hợp. Anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, lo lắng cho vợ con. Mặc dù chị và gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Không thể sống chung cùng anh Đ nên từ đầu năm 2009 chị H đã đưa các con về bên ngoại sống ly thân anh Đ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục sống chung, do đó chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ được ly hôn.

Chị H và anh Đ có 02 người con chung là Trương Thị Thu H1, sinh ngày 02/01/2005 (đã đủ 18 tuổi, trưởng thành) và Trương Thị Thu H2, sinh ngày 10/10/2007. Ly hôn, chị H yêu cầu được giao nuôi con Trương Thị Thu H2 và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh Đ không có tài sản chung. Do đó chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Chị H và anh Đ không có khoản nợ chung.

Đối với bị đơn anh Trương Minh Đ, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, mặc dù nhận được thông báo thụ lý vụ án và được giao nhận giấy triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng anh Trương Minh Đ không có mặt để lấy lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tại phiên toà, mặc dù đã được giao nhận giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Trương Minh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh Đ; Về con chung: Giao con chung Trương Thị Thu H2, sinh ngày 10/10/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ. Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Minh Đ có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hôn nhân của chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo về điều kiện kết hôn và được đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn, chị H, anh Đ sống chung không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và từ đầu năm 2009 đến nay chị H, anh Đ đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án chị H một mực xin ly hôn anh Đ, tại phiên toà chị H vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu đó. Xét thấy hôn nhân của chị H, anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Con chung của chị H, anh Đ là cháu Trương Thị Thu H1 (đã đủ 18 tuổi, trưởng thành) và cháu Trương Thị Thu H2. Từ khi chị H, anh Đ sống ly thân đến nay, cháu H1 và cháu H2 sống cùng chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có các điều kiện đảm bảo cho việc học tập, giáo dục con phát triển lành mạnh, cháu H2 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ quyền lợi mọi mặt của các con chung, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với anh Trương Minh Đ, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù được giao nhận giấy triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng anh Đ không có mặt để lấy lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tại phiên toà, mặc dù đã được giao nhận giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[4] Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H được ly hôn anh Trương Minh Đ.

Về con chung: Giao con chung Trương Thị Thu H2, sinh ngày 10/10/2007 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Minh Đ. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), số tiền trên được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ chị Trương Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0006106 ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Châu Lộc;
- Lưu hồ sơ.